TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/HS-ST
Ngày: 03-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đẹp

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Đức Đạt, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 450/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1978; Giới tính: Nữ; CCCD số: 083178011010; Nơi sinh: tỉnh Vĩnh Long (Bến Tre cũ); Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã H, tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ trước sáp nhập: Ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre); Nơi ở: 27/4, ấp C, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước sáp nhập: 27/4, ấp F, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ tên cha: Phạm Văn T, sinh năm: 1925 (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: Không rõ (đã chết); Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 23/4/2025 đến ngày 28/4/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam C (T30) – Công an Thành phố H cho đến nay; Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Dương Thanh T1, sinh năm: 1972 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số H tổ A, ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 6/2020, bà Dương Thanh T1 có cho Nguyễn Thị Kim L mượn số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Đến khoảng tháng 7/2020, T1 tiếp tục cho L mượn thêm số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, không tính lãi suất và L hứa sau 45 ngày sẽ trả hết cho T1 tổng số tiền mượn là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Do không có khả năng trả nợ nên T1 nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho T1 để thế chấp. L dùng tài khoản Facebook "L N" tìm kiếm thì thấy có tài khoản Facebook (không nhớ tài khoản nào) đăng tin làm giả các loại giấy tờ. L gọi điện đặt người này làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số BH 804743 thuộc thửa đất số 592, tờ bản đồ số 9, số vào sổ cấp GCN: CN01421 mang tên Bùi Thế V chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Kim L) với số tiền 1.500.000 đồng. L đi đến dịch vụ chuyển tiền và nhờ chuyển số tiền 1.500.000 đồng cho người này (đã làm thất lạc giấy chuyển tiền nên không nhớ thông tin người nhận tiền), đến ngày hôm sau có 01 người chạy xe G liên lạc và giao cho L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tại khu vực chợ X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng tháng 10/2020, L cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến nhà của chị T1 tại H ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh giao cho T1 để thế chấp và hẹn sau 02 tháng sẽ trả hết số tiền nợ cho T1 nhưng khi đến hẹn thì L vẫn không trả. Đến tháng 11/2020, Lâm Văn H (sống như vợ chồng với bà L) đứng ra làm giấy nợ tiền T1. Đến năm 2021, ông H, L đã trả cho T1 số tiền 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng thì ngưng, không trả nữa mà thay đổi chỗ ở và sinh sống nhiều nơi.

Đến ngày 02/12/2021, T1 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đến Văn phòng C nhờ kiểm tra thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không đúng với mẫu của cơ quan có thẩm quyền cấp (nghi giả) nên Công chứng viên tạm giữ để tiến hành xác minh theo quy định của pháp luật. Đến ngày 15/01/2022, T1 đến Công an xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công an xã B, Thành phố Hồ chí Minh) trình báo sự việc trên.

Kết luận giám định số 3031/KL-KTHS ngày 07/6/2022 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận:

+ Bản in phôi, hình dấu tròn và chữ ký đứng tên "Lê Tấn T2" trên tài liệu cần giám định được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

+ Chữ ký đứng tên "Nguyễn Tấn P1" và "Nguyễn Thị Ngọc N1" trên tài liệu cần giám định được ký giả trực tiếp.

Kết quả xác minh Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H cung cấp Thửa đất số 592, tờ bản đồ số 9 (tài liệu năm 2025) xã X, diện tích 81,1m^2 được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (gọi tắt là Giấy chứng nhận) số phát hành BH 804743, số vào sổ cấp GCN: CH01421 ngày 05/12/2011 hiện do ông Nguyễn

Tấn P1, CCCD số: 080070000285 địa chỉ C T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sử dụng (do nhận chuyển nhượng theo hồ sơ số 006186.CN.003).

Vật chứng thu giữ: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BH 804743 thuộc thửa đất số 592, tờ bản đồ số 9, số vào sổ cấp GCN: CN01421 mang tên Bùi Thế V chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Kim L (lưu cùng hồ sơ).

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKSKV8 ngày 04/8/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim L về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", theo quy định tại khoản 1 Điều 341của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L mức hình phạt từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Về vật chứng của vụ án: Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BH 804743 thuộc thửa đất số 592, tờ bản đồ số 9, số vào sổ cấp GCN: CN01421 mang tên Bùi Thế V chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Kim L (lưu cùng hồ sơ).

- Về hình phạt bổ sung: do bị cáo đang bị tạm giam và không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim L khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Kim L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai nhận tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của

bị cáo phù hợp với vật chứng của vụ án, với bản kết luận điều tra của Công an Thành phố H, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh và đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Tháng 10/2020, tại địa chỉ H ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị Kim L đã có hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để làm tin nhằm gia hạn thời gian trả số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng đã vay của bà Dương Thanh T1.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Kim L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo theo điều luật đã viện dẫn trên là đúng người, đúng tội, nên buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động đúng đắn, bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước trong quản lý hành chính, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" về hành vi phạm tội của mình, Bị cáo "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự cho bị cáo là phù hợp.

[5] Về tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu các tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo đang bị tạm giam và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BH 804743 thuộc thửa đất số 592, tờ bản đồ số 9, số vào sổ cấp GCN: CN01421 mang tên Bùi Thế V chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Kim L (lưu cùng hồ sơ).

[8] Đối với hành vi cung cấp thông tin và thuê người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Nguyễn Thị Kim L: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số G2836/QĐ-VPCQCSĐT ngày 21/7/2025 vụ án "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy

định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, để tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

[9] Đối với việc vay mượn tiền giữa Nguyễn Thị Kim L và bà Dương Thanh T1: Bà Dương Thanh T1 không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2025.

2/ Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Tạm giam bị cáo Nguyễn Thị Kim L 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3/ Về vật chứng của vụ án: Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BH 804743 thuộc thửa đất số 592, tờ bản đồ số 9, số vào sổ cấp GCN: CN01421 mang tên Bùi Thế V chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Kim L (lưu cùng hồ sơ).

4/ Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND khu vực 8-TP.HCM;
- PV06-CA TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 8-TPHCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa – Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Linh